TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÙNG KHÁNH** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST
Ngày 14 - 7 - 2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nông Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Tâm và bà Nông Diệu Huế.

- Thư ký phiên toà: Ông Nông Văn Quỳnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa*:** Bà Lục Thị Liễu - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 44/2023/TLST-HNGĐ ngày 10/4/2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nông Thị Y, sinh năm 1985; địa chỉ: Xóm B, xã Đ, huyện T, Cao Bằng. Vắng mặt có lý do.

- Bị đơn: Anh Phương Ích L, sinh năm 1981; địa chỉ: Xóm B, xã Đ, huyện T, Cao Bằng (hiện đang chấp hành án phạt tù tại K6, Đội 20, Trại giam P 4, Bộ Công an có địa chỉ tại huyện P, tỉnh Thái Nguyên). Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 28/3/2023 và các lời khai tiếp theo tại Tòa, nguyên đơn Nông Thị Y trình bày: Chị và anh Phương Ích L là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật ngày 16/4/2013 tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống tại xóm B, xã Đ, huyện T, Cao Bằng và có hai con chung tên là Phương Thị N, sinh ngày 24/5/2003 (đã thành niên) và Phương Thị Linh Đ, sinh ngày 29/8/2011.

Từ khoảng năm 2016 thì vợ chồng nảy sinh mẫu thuẫn, nguyên nhân là do anh Phương Ích L không tu chí làm ăn, không quan tâm, chăm sóc vợ con, nghiện ma túy. Chị đã nhiều lần can ngăn, khuyên bảo nhưng không có kết quả. Sau đó, anh L bị bắt do phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy, hiện anh L đang chấp hành án tại đội 20, phân trại số 6, Trại giam P 4, Bộ Công an (theo chị được biết mức án là 19 năm tù). Hiện chị không còn tình cảm với anh L và không muốn tiếp tục cuộc sống hôn nhân với anh L nữa. Mong Tòa giải quyết cho ly hôn với anh L.

Về con chung: Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là cháu Phương Thị Linh Đ và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu N (đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết).

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 30/6/2023, chị Y giữ nguyên các yêu cầu như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/4/2023, bị đơn Phương Ích L xác nhận các vấn đề về tình cảm, con cái, tài sản, nợ chung như chị Y trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn, anh L cho rằng hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì, không biết lý do vì sao chị Y lại yêu cầu ly hôn với anh. Việc chị Y làm đơn yêu cầu ly hôn và giành quyền nuôi con, anh L không nhất trí do vẫn còn tình cảm với chị Y và nếu ly hôn sẽ ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển của con chung. Đồng thời, anh L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án ly hôn với chị Nông Thị Y.

Tại phiên tòa:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa thông qua tóm tắt nội dung vụ án, công bố lời khai của những người vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo và chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nông Thị Y. Cho chị Y được ly hôn với anh Phương Ích L.

- Về con chung: Giao cháu Phương Thị Linh Đ, sinh ngày 29/8/2011 cho chị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (hoặc đến khi có bản án, quyết định khác của Tòa án thay thế); không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh L. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Chị Nông Thị Y phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thẩm quyền:* Bị đơn Phương Ích L có hộ khẩu thường trú và trước khi bị bắt tạm giam thì cư trú tại: Xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

[2]. *Về tố tụng:* Bị đơn Phương Ích L hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam không thể có mặt tại Tòa và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử thì nguyên đơn cũng có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy đã có lời khai trong hồ sơ và việc vắng mặt của đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. *Về quan hệ tranh chấp:* Chị Nông Thị Y yêu cầu ly hôn anh Phương Ích L, giành quyền nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng, các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tung dân sự.

[4]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nông Thị Y và anh Phương Ích L tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và tiến hành đăng ký kết hôn ngày 16/4/2013 tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Việc đăng ký là hoàn toàn tự nguyện, đúng theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định tại Điều 9, Điều 11 và Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Như vậy, việc kết hôn giữa chị Y và anh L là hợp pháp và quan hệ vợ chồng được pháp luật công nhận từ ngày đi đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau 02 con chung. Tuy nhiên, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn; hai vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung; anh L không tu chí làm ăn, không quan tâm, chăm sóc vợ con, nghiện ma túy. Hiện nay, đang trong thời gian chấp hành án tại Trại giam với mức án 19 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Từ đó, hai vợ chồng cũng không còn tình cảm với nhau nữa, chị Y ở nhà một mình nuôi con.

Mặc dù tại bản khai ngày 25/4/2023, anh L không nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị Y cùng nguyện vọng được nuôi con của chị vì cho rằng vẫn còn tình cảm với chị Y và nếu ly hôn sẽ ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển của con chung. Tuy nhiên, việc anh L không tu chí làm ăn, không quan tâm, chăm sóc vợ con, nghiện ma túy và hiện đang phải chấp hành mức án 19 năm tù tại Trại giam là nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng như hiện nay.

Từ những phân tích, nhận định trên đây, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Y và ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ nên cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. *Về con chung:* Giữa chị Y và anh L có 02 con chung; con lớn Phương Thị N, sinh ngày 24/5/2003 (đã thành niên), con nhỏ Phương Thị Linh Đ, sinh ngày 29/8/2011. Sau khi ly hôn, chị Y yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là cháu Phương Thị Linh Đ và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu N (đã thành niên) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay, anh L đang trong thời gian chấp hành án phạt tù trong Trại giam, không có điều kiện trực tiếp chăm sóc con chung, cháu Đ cũng đã sống cùng mẹ từ nhỏ. Vì vậy, cần giao cháu Đ cho chị Y trực tiếp chăm

sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh L là có căn cứ.

[6]. *Về tài sản chung, nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7]. *Về án phí:* Chị Y phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị Y được ly hôn anh Phương Ích L.

2. Về con chung: Giao cháu Phương Thị Linh Đ, sinh ngày 29/8/2011 cho chị Nông Thị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (hoặc đến khi có Bản án, Quyết định khác của Tòa án thay thế) và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh L.

Sau khi ly hôn, anh L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nông Thị Y phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào Ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Y, anh L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Trùng Khánh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Trùng Khánh;
- UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng;
- Lưu HS vụ án; Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Văn Tùng